TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 5 - 2023
V/v: Tranh chấp "*ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Ngọc Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Bửu Khánh
2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 463/2022/TLST - HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXX-ST, ngày 08 tháng 3 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm: 1981; địa chỉ: ấp BL, xã NT, huyện AB, tỉnh KG(có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Danh M, sinh năm: 1971; địa chỉ: ấp Tà Yểm, xã Bàn Thạch, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2022 nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Cẩm L trình bày:

Chị và chồng là anh Danh M tự quen biết nhau và chung sống vào năm 2002, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ

chồng chung sống hạnh phúc khoảng năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp tánh tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, anh M có tính gia trưởng hay hành hung đánh đập chị. Anh, chị đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Về con chung anh, chị chung sống có 02 người con chung là Danh Hồng G, sinh ngày 07/11/2003, đã trưởng thành và Danh Huỳnh K, sinh ngày 13/12/2005 hiện đang sống với anh K, chị L yêu cầu giao cháu K cho anh M nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: Không có.

Chị L khởi kiện yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh M.

Bị đơn anh Danh M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các thủ tục tố tụng nhưng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân đề nghị cho chị L và anh M ly hôn; về con chung giao cháu K cho anh M chăm sóc nuôi dưỡng, anh M không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; về nợ chung và tài sản chung do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Cẩm L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Danh M theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Anh Danh M với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Tà Yểm, xã Bàn Thạch, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Danh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh, chị

không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh, chị và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị L, anh M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh M chung sống vợ chồng với nhau năm 2002, không có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Xét thấy, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị L, anh M không được công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Chị L, anh M chung sống có 02 người con chung là Danh Hồng G, sinh ngày 07/11/2003, đã trưởng thành và Danh Huỳnh K sinh ngày 13/12/2005, chị L yêu cầu giao cháu K cho anh M nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy từ khi ly thân đến nay thì cháu K sống chung với anh M, nên HĐXX thống nhất giao cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng cháu K. Anh M không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Chị L xác định không có nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Danh M là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Danh Huỳnh K, sinh ngày 13/12/2005 cho anh M tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008584 ngày 11/7/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Cơ quan thực hiện việc Đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hồ Ngọc Luân